

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TP TRÀ VINH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 27-6-2025
V/v “Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thảo Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Minh Sơn.

Bà Thạch Thị Mỹ Kim.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm Tú, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Văn Thắng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2025/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 4 năm 2025, về việc “Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2025/QĐST-DS ngày 09/6/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Đỗ Thị Bích T**, sinh năm 1993. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã Đ, thành phố TV, tỉnh Trà Vinh.

Địa chỉ liên hệ: Ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Trường Th**, sinh năm 1991. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã Đ, thành phố TV, tỉnh Trà Vinh.

Địa chỉ liên hệ: Ấp P, xã Đ, thành phố TV, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai của bà **Đỗ Thị Bích T** là nguyên đơn trình bày:

Bà T và ông Nguyễn Trường Th quen biết, tiến đến hôn nhân với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố TV, tỉnh Trà Vinh. Trong quá trình chung sống hạnh phúc bà T và ông Th có 02 người con chung tên Nguyễn Bá T1, sinh ngày 20/11/2009 và Nguyễn Ngọc Như A, sinh ngày 22/4/2015. Mâu thuẫn giữa bà T và ông Th là vợ chồng sống chung không hạnh phúc, cãi nhau. Ông Th thường xuyên đi làm xa, không phụ bà T chăm sóc con cái. Vợ chồng đã hàn gắn nhưng không đoàn tụ được và đã ly thân từ cuối năm 2023 cho đến nay. Để chấm dứt tình trạng này, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Trường Th.

- Về con chung: Cháu Nguyễn Bá T1, sinh ngày 20/11/2009 và cháu Nguyễn Ngọc Như A, sinh ngày 22/4/2015. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Theo đơn khởi kiện bà T yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng/tháng/01 cháu. Thời gian cấp dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà T không yêu cầu ông Th phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Trường Th vắng mặt nên không có lời trình bày.

Vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

1. Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án trong thời gian chuẩn bị xét xử; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Bà Đỗ Thị Bích T được ly hôn với ông Nguyễn Trường Th.

Về con chung: Thống nhất theo nguyện vọng của cháu T1 và cháu Như A là được sống với bà T nên giao cháu T1 và cháu Như A cho bà Thảo nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T không yêu cầu ông Th phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Bà T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Đỗ Thị Bích T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa Tòa án nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Đỗ Thị Bích T yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Trường Th, và yêu cầu giải quyết quyền nuôi con trong cùng vụ án. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con”. Bị đơn ông Nguyễn Trường Th cư trú tại xã Đ, thành phố TV, nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Trường Th, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông Nguyễn Trường Th là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Bích T và ông Nguyễn Trường Th qua quá trình tìm hiểu và tiến đến hôn nhân với nhau. Bà T và ông Th có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố TV, tỉnh Trà Vinh, theo giấy chứng nhận kết hôn ngày 05/10/2011, nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông Th là hôn nhân hợp pháp theo Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quá trình chung sống do hai bên bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Theo bà T trình bày, mâu thuẫn chủ yếu dẫn đến bà T yêu cầu ly hôn với ông Th là do ông Th không quan tâm chăm sóc vợ con, từ đó vợ chồng cãi nhau, tình cảm vợ chồng không hạnh phúc. Tòa án có tiến hành xác minh mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông Th, thể hiện trong quá trình bà T, ông Th ly thân, thì ông Th không có tới lui thăm nom, chăm sóc vợ con.

Ông Th biết được việc bà T yêu cầu ly hôn với ông Th thông qua việc Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông Th vẫn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Từ đó cho thấy, ông Th không có ý chí muốn đoàn tụ cùng với bà T. Trong thời gian ly thân từ cuối năm 2023 đến nay giữa bà T và ông Th cũng không hàn gắn tình cảm vợ chồng. Bà T không còn yêu thương và không muốn tiếp tục cuộc sống hôn nhân với Th. Điều này minh chứng cho tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông Th không thể hàn gắn được nữa, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân

không đạt được. Do đó, việc bà T yêu cầu ly hôn với ông Th là có cơ sở để chấp nhận.

- Về con chung: Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Bá T1 và cháu Nguyễn Ngọc Như A. Tuy nhiên, khi quyết định giao con chung cho người nào nuôi dưỡng cần xem xét toàn diện về điều kiện, hoàn cảnh của người trực tiếp nuôi con và nguyện vọng của các con. Xét thấy, cháu T1 và cháu Như A có nguyện vọng được sống chung với bà T. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định “*nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”. Do đó, để đảm bảo cuộc sống, cũng như ổn định tâm lý của các cháu, cần thiết giao cháu T1 và cháu Như A cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T đã được giải thích các quy định của pháp luật về người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà T không yêu cầu ông Nguyễn Trường Th phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Đỗ Thị Bích T khai không có, nên không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Đỗ Thị Bích T khai không có, nên không xem xét giải quyết.

[3] Xét lời đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bà Đỗ Thị Bích T phải chịu toàn bộ án phí là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Bích T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Bích T được ly hôn với ông Nguyễn Trường Th.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Bá T1, sinh ngày 20/11/2009 và cháu Nguyễn Ngọc Như A, sinh ngày 22/4/2015 cho bà Đỗ Thị Bích T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Đỗ Thị Bích T không yêu cầu ông Nguyễn Trường Th phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

4. Về tài sản chung: Bà Đỗ Thị Bích T khai không có, nên không xem xét giải quyết.

5. Về nợ chung: Bà Đỗ Thị Bích T khai không có, nên không xem xét giải quyết.

6. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Đỗ Thị Bích T phải chịu toàn bộ án phí là 300.000 đồng. Nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà Bà Đỗ Thị Bích T đã đóng theo biên lai thu tiền số 0001353 ngày 10/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh. Bà Đỗ Thị Bích T đã nộp đủ tiền án phí, nên bà Bà Đỗ Thị Bích T không phải nộp tiếp.

7. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- Đương sự;
- Tòa án ND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TP.Trà Vinh;
- Chi cục THADS TP. Trà Vinh;
- Ủy ban nhân dân xã Long Đức, Tp Trà Vinh, Trà Vinh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thảo Nguyên

